

Số/ No: 18930.2507/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.6707 2507

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.17658 2507

Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-11/07/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/07/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC BỂ CHỨA NHÀ MÁY NƯỚC TUY HÒA  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD   | KẾT QUẢ/<br>RESULT             | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1           | Arsenic (As) (*)                   | SMEWW 3030 A,E: 2023<br>SMEWW 3113 B: 2023 | Không phát hiện<br>(LOD=0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trương****GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**

Số/ No: 18931.2507/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.6707 2507  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.17659 2507  
Trang/ Page: 1/1**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-11/07/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/07/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC TRÊN MẠNG 1 NHÀ MÁY NƯỚC TUY HÒA  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD   | KẾT QUẢ/<br>RESULT             | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1           | Arsenic (As) (*)                   | SMEWW 3030 A,E: 2023<br>SMEWW 3113 B: 2023 | Không phát hiện<br>(LOD=0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trương****GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**

Số/ No: 18932.2507/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.6707 2507  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.17660 2507  
Trang/ Page: 1/1

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-11/07/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/07/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC TRÊN MẠNG 2 NHÀ MÁY NƯỚC TUY HÒA  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD   | KẾT QUẢ/<br>RESULT             | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1           | Arsenic (As) (*)                   | SMEWW 3030 A,E: 2023<br>SMEWW 3113 B: 2023 | Không phát hiện<br>(LOD=0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trương



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 18933.2507/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.6707 2507  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.17661 2507  
Trang/ Page: 1/ 1**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-11/07/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/07/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC TRÊN MẠNG 3 NHÀ MÁY NƯỚC TUY HÒA  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD   | KẾT QUẢ/<br>RESULT             | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1           | Arsenic (As) (*)                   | SMEWW 3030 A,E: 2023<br>SMEWW 3113 B: 2023 | Không phát hiện<br>(LOD=0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trương****GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**